

# Nạn cường hào ở làng xã Việt Nam thế kỷ XVI-XIX

Đỗ Đức Minh<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: minhdd@vnu.edu.vn

Nhận ngày 21 tháng 02 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 4 năm 2018.

**Tóm tắt:** Nạn cường hào ở làng xã Việt Nam thế kỷ XVI-XIX được nhận diện trên chủ yếu những lĩnh vực: ruộng đất, thuế khóa, tư pháp và các lĩnh vực khác. Sự xuất hiện của nạn cường hào ở nông thôn Việt Nam bắt nguồn từ những nguyên nhân chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Nạn cường hào làng xã đã để lại những hệ quả sâu sắc trên các phương diện quản lý kinh tế, quản lý xã hội và kiểm soát nông thôn của nhà nước phong kiến và những hậu quả kinh tế - xã hội nghiêm trọng khác trong đời sống xã hội phong kiến Việt Nam.

**Từ khóa:** Làng xã, cường hào, thế kỷ XVI-XIX.

**Phân loại ngành:** Sử học

**Abstract:** The *cường hào*, or officials in the rural areas who oppress the grassroots, in Vietnamese villages of the 16<sup>th</sup> and 19<sup>th</sup> centuries are identified mostly in the fields of land, taxation and judiciary, among other fields. Their emergence in rural Vietnam was rooted in political, economic, cultural and social causes. That exerted profound impacts on the aspects of economic and social management and countryside control of the feudal state and other serious socio-economic consequences in the Vietnamese feudal society.

**Keywords:** Villages/communes, the *cường hào*, the period from the 16<sup>th</sup> to the 19<sup>th</sup> centuries.

**Subject classification:** History

## 1. Mở đầu

Hiện tượng “cường hào” đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử nước ta và bùng phát thành tệ nạn ở nông thôn Việt Nam trong các thế

kỷ XVI-XIX. Nghiên cứu về nạn cường hào làng xã không chỉ để tái hiện thực trạng của tệ nạn này trong lịch sử, mà còn để hiểu sâu hơn về tình hình đời sống xã hội phong kiến Việt Nam trong giai đoạn suy vong, đồng thời, để rút ra những bài học kinh nghiệm quý cho việc giải quyết những vấn đề đương đại. Bài viết nhận diện những biểu hiện chủ yếu của nạn cường hào; làm rõ nguyên nhân phát sinh tệ nạn này, cùng với những tác động tiêu cực của nó trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, gợi mở đối với công tác quản lý và hoạch định chính sách của Nhà nước.

## **2. Nhận diện nạn cường hào ở làng xã trong lịch sử Việt Nam**

Cường hào là khái niệm đã xuất hiện rất sớm ở nước ta từ thời kỳ Bắc thuộc qua những tư liệu lịch sử và luật lệnh của chính quyền đô hộ phong kiến phương Bắc. Theo nghĩa ban đầu, cường hào là những người tài trí xuất chúng, phóng khoáng; là người có tiền của hoặc có thế lực chính trị, kinh tế, quân sự ở một vùng. Tuy nhiên, từ khi chuyển sang giai đoạn chế độ phong kiến tập quyền, cùng với những thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội, quan niệm về cường hào có sự biến đổi và được hiểu theo xu hướng tiêu cực. Trên phương diện chính trị, xã hội, cường hào được hiểu là những người có quyền chức ở làng xã bị tha hóa, nhân danh quyền lực làng xã để áp bức, bóc lột người nông dân. Thực chất, cường hào là những phần tử thoái hóa,

biến chất trong bộ máy quản lý làng xã, câu kết với một vài địa chủ đầu sỏ để hình thành một tầng lớp có uy thế chính trị và kinh tế, lũng đoạn toàn bộ đời sống nông thôn; trong đó chủ yếu thuộc về bộ phận chức dịch, hoặc những địa chủ có tiền nhưng không có quyền làm hậu thuẫn cho bộ máy quản lý làng xã. Trong điều kiện sở hữu tư nhân về ruộng đất luôn đứng trước nguy cơ can thiệp của nhà nước trong làng xã thời phong kiến, các địa chủ phải nhờ tới và tạo ra một uy thế về chính trị trong làng để củng cố, nâng cao thế lực kinh tế; thông qua sức mạnh kinh tế và tập quán để kéo những người đứng đầu làng xã về phía mình. Ngược lại, một số người đứng đầu làng xã phải dựa vào thế lực kinh tế của các địa chủ để xác lập và duy trì thế đứng chính trị. Sự câu kết giữa hai nhóm người này đã tạo ra một tập đoàn kinh tế chính trị có uy quyền gần như tuyệt đối trong đời sống làng xã [1, tr.436]. Ngoài ra, để bảo vệ quyền lợi kinh tế và tạo dựng vỏ bọc chính trị, tầng lớp địa chủ đã tìm cách thức mua ngôi thứ hoặc trực tiếp tham gia vào bộ máy quản lý làng xã [9, tr.529] và góp phần quyết định các chính sách, luật lệ của làng. Từ đây, bằng sức mạnh kinh tế, tầng lớp địa chủ thao túng mọi mặt đời sống làng xã; chi phối các thiết chế quản lý, cả hành chính nhà nước và tự trị làng xã. Bằng việc chi phối bộ máy quản lý hành chính nhà nước, địa chủ nhân danh nhà nước để thao túng làng xã. Tương tự, bằng việc chi phối bộ máy quản lý tự trị làng xã, địa chủ nhân danh làng xã “vô hiệu hóa” chính sách nhà nước. Cường hào ác bá mặc nhiên được xem như một tầng

lớp thống trị ở làng xã gắn với bóc lột tá điền, ăn chơi hưởng thụ, vô lương tri, dốt nát hợm hĩnh, cấu kết với các thế lực phong kiến cầm quyền.

Nạn cường hào ở làng xã đã xuất hiện dưới thời Lê sơ (1428-1527) ngay cả khi chính quyền trung ương thời Lê Thánh Tông rất vững mạnh. Trong thời kỳ này, tệ cường hào lộng hành và nổi lên với những biểu hiện như cậy thế mà phạm các tội đánh người bị thương, cướp đoạt ruộng đất, tài vật của người khác, cày phá mồ mả, xâm hại làm tổn thương đến người khác. Sang thế kỷ XVI-XVII, nạn cường hào ở thôn quê Đại Việt không những không giảm, mà còn phổ biến hơn, với những hành vi như chiếm đoạt ruộng đất công, sách nhiễu tiền của, hạch sách nông dân. Ngoài ra, việc cường hào nắm việc xử đoán trong làng xóm, đặt riêng các nha môn để hạch sách nhân dân cũng được phản ánh trong những văn bản giáo hóa của nhà Lê - Trịnh.

Từ các thế kỷ XVIII-XIX, nạn cường hào ở nông thôn Việt Nam càng được biểu hiện rõ ràng hơn trên nhiều lĩnh vực với mức độ trầm trọng và phổ biến ở nhiều địa phương. Nhìn chung, tình trạng địa chủ cường hào hiếp tróc dân làng, lũng đoạn thôn quê diễn ra trong lịch sử từ thế kỷ XVI-XIX, đặc biệt là, từ thời Lê-Trịnh trở đi càng thêm trầm trọng, trở thành xu thế tất yếu trong sự vận động nội tại của làng xã và là trở lực lớn gây ra tình hình phức tạp trong tổ chức quản lý nông thôn thời phong kiến. Mặc dù có nhiều biện pháp quản lý, nhưng nhà Nguyễn đã thực sự bất lực không thể hóa giải được sự

lộng hành, lũng đoạn của cường hào và trên thực tế không quản lý được làng xã chặt chẽ và hiệu quả. Nạn cường hào đã nổi lên như một nạn âm binh trong quá trình suy vong và ở buổi hoàng hôn của chế độ phong kiến.

Hành vi của cường hào được biểu hiện trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng phổ biến là hành vi chiếm công vi tư, lấn chiếm ruộng công, mua bán công điền, giành ruộng đất tốt, thậm chí lập trang trại, để chiêu mộ những người trốn tránh thuế khóa, sưu dịch. Trong lĩnh vực thuế khóa, cường hào lạm chiếm tiền thuế công của nhà nước, nộp thiếu thuế, thu bổ lớn gấp nhiều lần số tiền mà nhà nước quy định, bắt dân đóng không và trốn thuế ruộng. Trong lĩnh vực tư pháp, kiện tụng về ruộng đất là “bệnh thường ngày” ở làng xã. “Bọn hương đảng cường hào gian xảo nhiều kẻ, biến trá trăm đường, lấy việc vũ đoán là kế hay, lấy thôn tính làm giàu mình làm tự hào, lấn lướt đè nén người bản cố, thế cô, khinh miệt kẻ ngu hèn, hễ có điều gì không như ý thì chúng vu oan giá họa, lôi đến cửa công. Lại có bọn điều toa làm điên đảo phải trái, thay đổi trắng đen, lấy người kiện làm món hàng, lấy đơn kiện làm kế sinh nhai. Một khi quan trên phân xử đã phải lẽ chúng vẫn chống án không chịu. Chống án một lần rồi ba, bốn lần làm cho người nghèo khó, thế cô không đủ sức theo kiện và người có hàng sản thì hao tổn tiền của, bấy giờ chúng mới hả lòng [3, tr.257].

### 3. Nguyên nhân của nạn cường hào làng xã

#### 3.1. Nguyên nhân chính trị

Sau thời kỳ phát triển đỉnh cao dưới thời Lê Thánh Tông, từ thế kỷ XVI, chế độ phong kiến Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới đầy biến động. Bộ máy quan liêu từ trung ương đến địa phương ngày càng phân động. Giai cấp thống trị đã bộc lộ những dấu hiệu thoái hóa nghiêm trọng. Hệ tư tưởng Nho giáo đã bộc lộ sự lạc hậu và bắt đầu suy yếu. Ở Đàng Ngoài, trong triều đình và phủ chúa, quan lại các cấp kết thành bè đảng, mưu lợi riêng. Quan lại phần lớn đều xuất thân từ chế độ mua quan bán tước.

Làm quan trở thành một nghề kinh doanh bóc lột và quan trường trở thành nơi vơ vét làm giàu. Tệ nạn tham ô hối lộ được công khai và được nhà nước thừa nhận. Ở Đàng Trong, sau khi củng cố được địa vị thống trị, hệ thống quan liêu công kênh của họ Nguyễn cũng trở thành bộ máy ăn bám thói nát đê nặng lên cuộc sống của tầng lớp bị trị và kìm hãm sức sản xuất xã hội. Do tích lũy được rất nhiều của cải trong quá trình bóc lột nông dân, nên tầng lớp thống trị ngày càng sống xa hoa trụy lạc. Để thỏa mãn nhu cầu xa xỉ của quý tộc và bộ máy quan liêu to lớn, các loại thuế phí tăng cao, địa chủ hào lý chiếm đoạt ruộng đất, quan lại tham nhũng, tô thuế phu dịch nặng nề. Tình trạng thiên tai xảy ra thường xuyên ở nhiều nơi. Sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, ruộng đồng hoang hóa, mất mùa, đói kém xảy ra triền

miên, đời sống nhân dân ngày càng cơ cực lầm than. Do sức sản xuất nông nghiệp bị phá hoại nghiêm trọng, dịch bệnh và nạn đói hoành hành khắp nơi, nên nông dân không còn điều kiện sinh sống, phải bỏ xóm làng, đồng ruộng đi kiếm ăn, tạo thành một tầng lớp dân lưu vong xiêu tán ngày càng phổ biến. Chính quyền trung ương suy yếu và khủng hoảng không đảm đương nổi các chức năng kinh tế - xã hội. Đất nước nhiều lần bị chia cắt và chìm trong nội chiến triền miên. Các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân nghèo, bị bần cùng. Nhiều người dân bị đẩy đến đường cùng, không còn nguồn sinh sống. Họ tham gia vào các phong trào khởi nghĩa chống lại triều đình. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân đã khiến nhà nước không thể toàn tâm toàn ý xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý đất nước, trong đó có bộ máy hành chính cấp xã. Yếu tố chiến tranh, phân liệt là lực cản của nhà nước trong việc quản lý chặt chẽ chính quyền cấp xã; điều đó khiến làng xã dần tuột khỏi tay chính quyền phong kiến, Nhà nước phong kiến bỏ mặc cho cường hào hoành hành. Khi một chế độ với bộ máy cầm quyền tha hóa, lụi bại cũng là lúc phát sinh nạn cường hào ác bá. Bộ máy quản lý cấp xã do được xác lập với một sự toàn quyền như một tiểu triều đình, nên trở thành môi trường thuận lợi để các chức dịch lợi dụng thâm tóm quyền lực, biến làng xã thành nơi giam hãm người nông dân. Là một vương quốc nhỏ trong vương quốc lớn, làng xã biến thành bầu trời riêng của địa chủ cường hào [11]. Dân thấp cổ bé họng, thế yếu luôn bị thua thiệt. Đặc biệt, khi

chính quyền trung ương suy yếu không đủ sức quản lý ở những khu vực xa xôi thì sự lấn lướt của cường hào, ác bá ở địa phương càng trầm trọng hơn nhiều. Mặc dù nhà nước có các biện pháp kiểm soát việc thực thi quyền lực của bộ phận chức dịch, song vào những thời điểm nhà nước trung ương suy yếu hoặc xa rời các biện pháp quản lý, tầng lớp cường hào càng mặc sức lũng đoạn chốn thôn quê. Chúng ý quyền thế mặc sức đục khoét, hà hiếp, tự do vu oan giá họa nhân dân, làm cho đời sống dân nghèo thường xuyên bị đe dọa. Ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ, chính quyền cơ sở bỏ mặc cho cường hào mặc sức hoành hành ở các thôn làng. Hiện tượng hương đảng tiểu triều đình ngày càng phổ biến và trầm trọng, gây nên muôn vàn tệ hại ở thôn quê.

### 3.2. Nguyên nhân kinh tế

Từ đầu thế kỷ XVI, thực trạng nông thôn Việt Nam không còn thuần nhất trên phương diện kinh tế; chế độ tư hữu đã bao trùm; sở hữu địa chủ chi phối các quan hệ ruộng đất và quan hệ xã hội ở nông thôn. Chế độ tư hữu ruộng đất phát triển ngày càng mạnh mẽ nên tầng lớp địa chủ trong các làng xã ngày càng lớn mạnh. Ngoài ra, do những ruộng bãi khẩn hoang sau đó được miễn giảm thuế, nên một số lớn cũng trở thành ruộng tư. Bộ phận ruộng tư ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII phát triển thiếu lành mạnh và không bình thường. Đến thế kỷ XVIII, tình trạng mua bán ruộng đất công đã tương đối phổ biến. Bên cạnh đó, quan lại tham nhũng và

cường hào làng xã dùng quyền thế của mình hoặc lợi dụng tình trạng khốn quẫn của dân nghèo để cưỡng mua ép bán, chiếm đoạt ruộng công. Nông dân mất ruộng đất ngày càng bị địa chủ bóc lột nặng nề. Nền kinh tế tiểu nông càng bị phá hoại. Lợi dụng tình trạng nông dân phiêu tán và nghèo đói, địa chủ cường hào ở một số làng xã đã mua rẻ hoặc bao chiếm ruộng đất. Không thỏa mãn với sự giàu có đã đạt được, những địa chủ này luôn tìm mọi cách chiếm ruộng đất công của làng hoặc cướp đoạt, mua rẻ ruộng đất của nông dân để có thêm ruộng đất hoặc bỏ cho dân đóng góp tô thuế ở mức cao để mưu lợi. Sự thu hẹp của bộ phận ruộng công đi liền với sự phá sản của phép quân điền cũng đẩy nhanh sự bần cùng của đông đảo nông dân làng xã.

### 3.3. Nguyên nhân xã hội

Từ sau thế kỷ XVI, mô hình làng xã truyền thống (được xác lập dưới thời kỳ của Lê Thánh Tông) đang dần giải thể, đời sống làng xã bị xáo trộn, biến động mạnh và mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt. Chế độ tự trị, tự quản làng xã được đẩy lên ở mức cao nhất đã tạo điều kiện sản sinh, dung dưỡng nạn cường hào làng xã. Ở chiều ngược lại, tệ cường hào làng xã lại gia cố và củng cố thêm chế độ tự trị, tự quản làng xã. Trong khi ở các làng xã quan lại và cường hào địa chủ hoành hành gây bao tai họa cho nhân dân, thì trong cung đình vua chúa quanh năm ăn chơi sa đọa, xây dựng chùa chiền, sửa sang cung điện, chi phí những món tiền

không lò, bắt nhân dân chịu thêm những gánh nặng thuế khóa và lao dịch. Cơ cấu tổ chức làng xã phức tạp và những phong tục tập quán phiền phức vừa là gánh nặng của nông dân, vừa tạo điều kiện cho tầng lớp cường hào lợi dụng tăng cường áp bức họ. Tệ kiêm tính ruộng đất của địa chủ làm cho mâu thuẫn đối kháng của xã hội trở nên quyết liệt. Quá trình tập trung ruộng đất của giai cấp địa chủ luôn diễn biến song song với quá trình bần cùng và phá sản của nông dân. Điều đó gây ra hiện tượng dân phiêu tán và khởi nghĩa nông dân. Người nông dân Việt Nam, vốn hết sức gắn bó với làng quê mình, giờ đây, do bị bần cùng hóa, phá sản, nên phải rời bỏ đồng ruộng, rời bỏ xóm làng đi lang thang kiếm sống trong tuyệt vọng. Nạn dân lưu tán lưu động phát triển làm cho dân cư không ổn định. Tình hình nông thôn càng ngày càng nặng nề căng thẳng và bức tranh toàn cảnh về nông nghiệp - nông thôn - nông dân Đại Việt trở thành màu xám. Ngoài ra, sự bắt lức hoàn toàn của nhà nước phong kiến trong nhiệm vụ quản lý cũng là một trong những nguyên nhân phát triển của tệ cường hào. Do tình trạng mua chức sắc, mua ngôi thứ ngày càng phổ biến, khiến thành phần hội đồng làng xã bị phình to hơn rất nhiều. Lương bổng của họ lại không do nhà nước trả mà được cấp từ ruộng bút chỉ của làng xã với số lượng ít ỏi không đủ nuôi sống và duy trì hoạt động của bộ máy chính quyền. Do vậy, họ có khuynh hướng lạm dụng quyền lực để đảm bảo đời sống vật chất. Hoạt động mua danh, mua vị đi liền với tổ chức ăn uống “khao vọng” linh đình dẫn

đến thực tế nhiều gia đình khuynh gia bại sản chỉ để trả nợ miệng và tầng lớp cường hào đóng vai trò là kẻ đầu têu những tệ nạn này.

#### 3.4. Nguyên nhân văn hóa

Là sản phẩm của điều kiện lịch sử, kinh tế - xã hội đặc thù thời phong kiến, làng xã cổ truyền Việt Nam có tính tự trị, tự quản tương đối đậm nét. Chính trạng thái kinh tế đóng kín, tự cấp tự túc trong mỗi làng xã đã dẫn đến xu hướng biệt lập về xã hội. Mỗi làng Việt là một “pháo đài bất khả xâm phạm”, xung quanh làng được bao bọc bởi lũy tre. Đó là một thành lũy kiên cố, “đốt không cháy, trèo không được, đào không qua”. Quyền lực của chính quyền trung ương phải dừng lại ở phía ngoài cổng làng. Bên cạnh đó, truyền thống tự quản có từ trước khi nhà nước áp đặt bộ máy hành chính lên các đơn vị tự cư của người Việt cũng hạn chế khả năng chi phối của nhà nước trung ương. Điều đó gây ra mối quan hệ lỏng lẻo giữa nhà nước với làng xã và vô hình trung trở thành những chất xúc tác quan trọng để bảo lưu, phát triển đặc tính tự quản. Bị quy định bởi tính cộng đồng của làng xã cổ truyền, nên từng thành viên phải chịu sự quản lý rất chặt của nhiều thiết chế tổ chức [7], với các thần dân, nghĩa vụ và trách nhiệm nặng nề hơn là quyền lợi. Tính tự trị là một trong những đặc trưng cơ bản của làng xã Việt Nam. Làng xã hoàn toàn tự chủ trong thiết lập tổ chức bộ máy quản lý, phân chia ruộng đất công làng xã, thực hiện các chức năng

thu thuế, đảm bảo trật tự trị an, bảo vệ sản xuất. Tính tự trị cao của làng xã dẫn đến các hệ quả tiêu cực như: tự cung tự cấp, óc bè phái, óc địa vị ngôi thứ, tư tưởng cục bộ địa phương, tư tưởng gia trưởng, hình thức, những hủ tục trong ma chay, cưới xin, khoa vọng, hội hè, sự can thiệp thô bạo vào đời sống cá nhân, lối sống theo lệ làng mà không quen với pháp luật. Ở khía cạnh khác, những hạn chế khiếm khuyết trong thiết chế, tổ chức quản lý làng xã cũng gây nên nhiều hệ quả tiêu cực khác, trong đó có nạn cường hào. Pháp luật của nhà nước qua lăng kính khúc xạ của hương ước đã bị tầng lớp cường hào tự ý đặt thêm nhiều khoản để trục lợi cá nhân, người nông dân vì thế mà tăng thêm nhiều khổ cực điều đứng.

Tệ cường hào còn xuất phát từ tâm lý, lối sống, quan niệm của người nông dân trong cộng đồng làng xã. Sự gắn kết bền chặt của người nông dân vào cộng đồng làng xã khiến họ phải phục tùng các quy định, luật lệ của làng xóm; đưa đến cách hành xử trọng tình, phần lớn các tranh chấp giải quyết theo phương châm nhường nhịn chín bỏ làm mười, lấy cái tình mà xử với nhau chứ không bằng cái lý hay bằng luật. Cư dân làng xã cổ truyền cũng quen sống với hương ước, tục lệ, chỉ biết tuân thủ lệ làng, không có thói quen tuân thủ pháp luật; thậm chí còn giữ thái độ xa lạ, coi thường chống đối pháp luật. Với tâm lý nhà nước có luật pháp riêng, làng xã có hương ước của mình, nên phần đông người dân không hiểu biết pháp luật, dựa hẳn vào hương ước để bảo vệ quyền lợi của mình. Đó cũng là cơ hội để tầng lớp cường

hào lợi dụng bóp nặn người nông dân chốn thôn quê. Đồng thời, tầng lớp chức dịch cũng dựa vào các thiết chế, hương ước để trói buộc người nông dân vào các quy định của làng xã, khiến họ không tự tiện vượt làng đi kiện cáo được.

#### 4. Hệ quả của nạn cường hào làng xã

Nạn cường hào ở làng xã từ thế kỷ XVIXIX đã làm vô hiệu hóa các chính sách của nhà nước, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng bần cùng, xiêu tán và khởi nghĩa của người nông dân ở thế kỷ XVIII-XIX. Nhà nước phong kiến thất bại trong việc kiểm soát nông thôn. Các tầng lớp nhân dân sống khổ cực; địa chủ hào lý chiếm đoạt ruộng đất; quan lại tham nhũng; tô thuế phu dịch nặng nề; dịch bệnh, nạn đói hoành hành khắp nơi. Đời sống nhân dân khó khăn cơ cực; các loại thuế tăng cao; nạn cường hào ác bá quá đỗi lộng hành; quan chức bóc lột; người dân đói rách, lam lũ, sống không nổi, phải bỏ đi một xứ xa sinh sống nơi đất khách quê người. Nông dân bị cường hào ở các làng xã cướp ruộng đất, đàn áp bức bách và bần cùng. Do tích tụ phần uất trước nạn cường hào ác bá, người dân phải đứng lên khởi nghĩa chống lại triều đình. Làng xã thực sự đã vượt ra khỏi sự kiểm soát của chính quyền phong kiến trung ương, trở thành căn cứ của hàng loạt các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ trong thế kỷ XVIII. Trong bối cảnh hoàng hôn của lịch sử, nạn cường hào nổi lên như mưa giông bão táp;

báo hiệu sự khủng hoảng, suy tàn của chế độ phong kiến Việt Nam.

Năm 1828, Nguyễn Công Trứ (1778-1858) sau khi khảo sát thực trạng nông thôn Bắc bộ đã đánh giá về tác hại của nạn cường hào như sau: “Từ trước đến nay, những người bàn việc đều đổ lỗi cho quan lại, mà không biết phần nhiều là tại hào cường. Cái hại quan lại là 1, 2 phần, cái hại hào cường đến 8, 9 phần, bởi vì quan lại chẳng qua là kiếm lợi nhỏ ở giấy tờ, đòi tiền ngoài lệ ở thuế khóa, cái hại gần và nhỏ, việc đã phát lộ, thì giáng cách ngay, rồi cũng biết hối. Còn cái hại hào cường, nó làm con người ta thành mồ côi, vợ người ta thành goá bụa, giết cả tính mạng của người ta, hết cả gia tài của người ta, mà việc không lộ, cho nên cứ công nhiên không kiêng sợ gì” [7, tr.787]. Ở miền núi có ách chế độ thống trị tàn bạo man rợ của bọn phong kiến, quan lang, quan châu, phía (Thái), tạo (Mường), thống lí (H'Mông). Bọn thống lí là một thứ vua ở vùng cao, chúng có quyền sinh quyền sát đối với người dân miền ngược, như: chúng có quyền bắt bớ, đánh đập người dân thường, bắt họ làm nô lệ, gả bán họ để gặt nợ, thậm chí có thể giết họ một cách dã man.

Nạn cường hào còn trực tiếp gây nên những hậu quả kinh tế - xã hội nghiêm trọng khác. Đối với một đất nước nông nghiệp, ruộng là một nguồn tài nguyên quý giá quyết định đến đời sống và sự ổn định phát triển của xã hội. Song, do tình trạng tư hữu hóa ruộng đất ở làng xã ngày càng mạnh mẽ; làm thu hẹp diện tích đất công của nhà nước đến mức loại hình sở hữu này không còn đóng

vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế đất nước nữa. Các triều đại phong kiến đã cố gắng thực hiện chính sách quân điền; nhưng do tình trạng ruộng đất công bị thu hẹp nghiêm trọng, nên chính sách quân điền cũng hoàn toàn bị phá sản. Nhà nước phong kiến muốn tăng cường quyền lực kinh tế bằng các biện pháp truyền thống (như thực hiện chính sách quân điền) nhằm duy trì, củng cố và mở rộng sở hữu công làng xã, can thiệp vào sở hữu tư nhân. Trước tình hình đó, tầng lớp phú hào, địa chủ đã lợi dụng danh nghĩa làng xã để bóc lột người nông dân. Vô số phần ruộng công bị biến thành ruộng tư và khẩu phần ruộng công chia cho nông dân vốn ít ỏi càng ít hơn. Đến đầu thế kỷ XIX, sở hữu tư nhân về ruộng đất đã chiếm phần lớn (2.816.221/3.396.584 mẫu = 83%) tổng diện tích ruộng đất của cả nước [9]. Khác với Bắc bộ và Trung bộ, ở Nam bộ xu hướng tư nhân hóa ruộng đất phát triển rất mạnh mẽ. Đến giữa thế kỷ XIX có những nơi tỷ lệ ruộng đất tư đã chiếm 86,5%, thậm chí đạt 97,4% [5, tr.206]. Sự phát triển của chế độ sở hữu tư nhân về ruộng đất đã dẫn đến sự thay đổi chế độ thuế. Cơ sở kinh tế của nhà nước phong kiến dựa trên sở hữu công trước đây đã bị lung lay.

Do nông dân bị địa chủ bóc lột nặng nề, lại thêm hạn hán lũ lụt, chiến tranh kéo dài, nên ruộng đất bị bỏ hoang, mất mùa đói kém. Nền kinh tế tiểu nông bị phá hoại, đình trệ, xã hội ngày càng đi xuống. Người nông dân phải gánh trên vai sưu cao, thuế nặng, lâm vào cảnh đói khổ bần cùng, bỏ nghiệp. “Vì thuế sơn mà có người dẫn cây sơn đi, vì



thuế vải lụa mà có người phá khung cửi, vì thuế gỗ mà bỏ cả búa rìu, vì thuế tôm cá mà xé cả lưới chài, vì thuế mật mà không trồng mía nữa, vì thuế bông, thuế chè mà vườn tược bỏ hoang. Làng mạc tiêu điều, thuế hàng năm bỏ thiếu chông chát, chi dùng của nhà nước cũng vì thế mà thiếu thốn” [4, tr.132]. Mặc dù đã tăng các loại phí, tạo thêm áp lực đời sống nhân dân, nhưng do phải bội chi quá nhiều vào những việc không cần thiết, nên ngân sách nhà nước phong kiến vẫn thiếu hụt. Ngoài ra, tình trạng ảm lậu về dân đinh và điền thổ diễn ra liên tục cũng dẫn đến tình trạng không kiểm soát được nguồn thu sưu thuế.

Bộ máy nhà nước phong kiến quan liêu ngày càng công kênh, liên tục tìm cách đục khoét ngân sách từ nguồn thuế của nhân dân, tài nguyên của quốc gia. Về phương diện xã hội, do hệ quy chiếu về đạo đức bị băng hoại nghiêm trọng, nên những giá trị cao đẹp bị đồng tiền giầy xéo. Trong môi trường xã hội mà tinh thần pháp luật không được tôn trọng, các tệ nạn xã hội (như nạn trộm cướp, rượu chè, mê tín) tiếp tục gia tăng.

## 5. Kết luận

Nạn cường hào ở làng xã vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả của sự tha hóa của chế độ phong kiến Việt Nam trong giai đoạn suy vong. Ngày nay, nạn cường hào đã bị lịch sử đẩy lùi về quá khứ. Song, nghiên cứu về tệ nạn này sẽ giúp chúng ta nhận thức rõ hơn một trong những tàn tích của quá khứ, từ đó

có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm sâu sắc trong việc xây dựng, tổ chức chính quyền cơ sở, thực hiện các chính sách nông nghiệp, nông thôn và nông dân; xây dựng cơ chế quản lý kinh tế và quản lý xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và giải quyết những vấn đề quản lý kinh tế đương đại.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Xuân Đính (2000), *Nhà nước và pháp luật thời phong kiến Việt Nam - Những suy ngẫm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Sĩ Giác, Vũ Văn Mẫu (1961), *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*, Nhà in Bình Minh, Sài Gòn.
- [3] Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp ký*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng (1991), *Đại Việt sử ký tục biên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Trần Thị Thu Lương (1994), *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam bộ nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [6] Vũ Văn Quân (2008), “Yếu tố tự trị - tự quản làng xã và tác động của nó đến sự quản lý của chính quyền cấp cơ sở hiện nay”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 3.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Trương Hữu Quýnh (2004), *Chế độ ruộng đất Việt Nam thế kỷ XI - XVIII*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [9] Nguyễn Công Tiệp, *Sĩ hoan tu tri lục* (18201843), Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
- [10] Đinh Khắc Thuân (Chủ biên) (2006), *Tục lệ làng xã cổ truyền*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] <https://nghiencuulichsu.com/2016/10/05/nhung-dau-hieu-sup-do-cua-che-do-phong-kienviet-nam/>

